

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGOẠI NGỮ VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH : THÚ Y

TRÌNH ĐỘ : CAO ĐẲNG

HÌNH THỨC : CHÍNH QUY

*(Ban hành kèm theo quyết định số /QĐ-VXT ngày /05 /2019
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Việt Nam)*

Hải Dương, 2019

LỜI GIỚI THIỆU

Chương trình đào tạo ngành Thú y trình độ Cao đẳng hệ VLVH Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Việt Nam được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau đây:

- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014 ;
- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
- Thông tư 52/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các ngành, nghề thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và thú y do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành
- Công văn số 106/TCDN-DNCQ ngày 19/01/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo theo luật giáo dục nghề nghiệp;

Trong quá trình biên soạn, Hội đồng biên soạn chương trình đào tạo đã tham khảo nhiều chương trình đào tạo Cử nhân Thú y trong toàn quốc, đã tham khảo ý kiến của các Giáo sư, Tiến sỹ chuyên gia đầu ngành, các giảng viên có kinh nghiệm, cán bộ quản lý của nhiều trường Đại học, Cao đẳng, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội để hoàn thành chương trình này.

CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-VXT ngày tháng 05 năm 2019 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Việt Nam)

| | |
|-----------------------------|--------------------------------------------|
| Tên ngành, nghề | : Thú y |
| Mã ngành, nghề | : 6640101 |
| Trình độ đào tạo | : Cao đẳng |
| Hình thức đào tạo | : VLVH |
| Đối tượng tuyển sinh | : Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên |
| Thời gian đào tạo | : Từ 02 năm đến 03 năm |

I. Giới thiệu về ngành, nghề

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Thú y trình độ cao đẳng là ngành, nghề hoạt động trong lĩnh vực chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, hướng dẫn kỹ thuật nhằm bảo vệ sức khỏe và phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi, cung cấp cho xã hội các sản phẩm an toàn, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người hành nghề thú y có khả năng chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, hướng dẫn kỹ thuật về thú y; sản xuất kinh doanh chăn nuôi thú y; xây dựng, quản lý, điều hành các trang trại chăn nuôi và thực hiện được các nhiệm vụ khác liên quan đến lĩnh vực thú y.

Người học sau tốt nghiệp, có thể làm việc trong trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi giống gia súc gia cầm, thuốc thú y, sản xuất thức ăn chăn nuôi; kinh doanh thuốc thú y, bệnh xá thú y, trung tâm dịch vụ nông nghiệp, các cơ quan nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về chăn nuôi - thú y; các cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp và các tổ chức khác có liên quan đến thú y.

2. Kiến thức

- Trình bày được những kiến thức nền tảng cơ bản của ngành về: Giải phẫu sinh lý vật nuôi, di truyền động vật, giống vật nuôi;

- Trình bày được kiến thức cơ bản về dược lý học, miễn dịch học, vi sinh vật thú y trong các hoạt động chuyên ngành;

- Trình bày được kiến thức về bệnh truyền nhiễm, nội khoa, ngoại khoa, sản khoa và ký sinh trùng;
- Trình bày được kiến thức về dịch tễ học, vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm nghiệm thú sản, các bệnh truyền lây và pháp luật về thú y;
- Trình bày được các nội dung cơ bản về thiết kế, triển khai các đề tài nghiên cứu về lĩnh vực thú y;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

3. Kỹ năng

- Xây dựng và đảm nhận được chương trình phát triển chăn nuôi, thực hiện tốt các kỹ năng nghề nghiệp: Nguyên tắc sử dụng các loại thuốc thú y; vi sinh vật và truyền nhiễm; chẩn đoán, phòng và điều trị các bệnh truyền nhiễm, bệnh nội khoa, bệnh sản khoa, bệnh ngoại khoa; kỹ thuật thiến hoạn, mổ lấy thai... và kiểm soát, khống chế bệnh tật ở cơ sở sản xuất, các trang trại chăn nuôi;
- Lập kế hoạch, chủ trì tổ chức tư vấn chuyên môn, huấn luyện, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người chăn nuôi; tổ chức, điều hành phòng khám thú y và trang trại chăn nuôi;
- Tổ chức và triển khai được các ý tưởng nghiên cứu chuyên môn trong lĩnh vực thú y;
- Tổ chức quản lý điều hành một đơn vị sản xuất: Quản lý và điều hành các kỹ thuật sử dụng thuốc, vacxin trong phòng, điều trị bệnh cho vật nuôi. Sử dụng các sản phẩm thú y để nâng cao tỷ lệ tiêu hóa, hấp thu, nâng cao năng suất sinh sản, khả năng đề kháng và tăng trọng ở vật nuôi.
- Quản lý kiểm soát giết mổ, kiểm tra các sản phẩm động vật theo quy định pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng tránh bệnh truyền lây giữa người và động vật;
- Tự lập kế hoạch, tổ chức, sắp xếp và đánh giá kết quả công việc chuyên môn về thú y được giao;
- Thực hiện tốt các kỹ thuật lâm sàng, cận lâm sàng, phi lâm sàng và lấy mẫu bệnh phẩm ứng dụng trong chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi. Thực hiện tốt và sử dụng được một số máy móc, phương tiện hiện đại trong lĩnh vực chuyên môn thú y;
- Sử dụng thành thạo các loại vacxin, thuốc và hóa dược trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi;

- Đề xuất được các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả trong phòng, chống dịch bệnh có hiệu quả cho vật nuôi.

- Viết báo cáo khoa học, kỹ năng thuyết trình về lĩnh vực chuyên môn, kỹ năng giao tiếp;

- Lập kế hoạch, tổ chức điều hành, sản xuất, kinh doanh về lĩnh vực thú y.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên.

5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Phòng, chống dịch bệnh;

- Chẩn đoán bệnh;

- Điều trị bệnh;

- Khai thác và pha chế tinh dịch;

- Sản xuất thuốc thú y;

- Nghiên cứu, thực nghiệm về thú y;

- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, chế phẩm sinh học, thuốc thú y, dụng cụ trang thiết bị chăn nuôi, thú y.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Thú y trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

II. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo

- Số lượng môn học, mô đun : 27 môn học, mô đun
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học : 79 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương : 300 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn : 1725 giờ
- Khối lượng lý thuyết : 312 giờ
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: :1358 giờ

III. DANH MỤC MÔ ĐUN, MÔN HỌC ĐÀO TẠO, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| Mã MĐ/MH | Tên học phần | Số tín chỉ | Thời gian đào tạo(giờ) | | | |
|-------------|-------------------------------------------|------------------|------------------------|--------------|--------------|-------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| I | Các môn học chung | 15 | 300 | 116 | 169 | 15 |
| MH 01 | Giáo dục chính trị | 4 | 75 | 41 | 29 | 5 |
| MH02 | Pháp luật | 2 | 30 | 18 | 10 | 2 |
| MH 05 | Tin học | 3 | 75 | 15 | 58 | 2 |
| MH 06 | Ngoại ngữ (Tiếng Anh) | 6 | 120 | 42 | 72 | 6 |
| II | Các mô đun, môn học đào tạo nghề | 64 | 1725 | 312 | 1358 | 55 |
| II.1 | Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở | 18 | 390 | 130 | 241 | 19 |
| MĐ 07 | Giải phẫu động vật | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 08 | Sinh lý động vật | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 09 | Sinh học phân tử | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 10 | Vi sinh vật đại cương | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 11 | Vi sinh vật thú y | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 12 | Dược lý học thú y | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 13 | Miễn dịch học thú y | 2 | 30 | 18 | 9 | 3 |

| | | | | | | |
|------------------|---------------------------------------------|-----------|-------------|------------|-------------|-----------|
| MĐ 14 | Di truyền học Động vật | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 15 | Động vật học | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| II.2 | Các mô đun chuyên môn nghề | 46 | 1335 | 182 | 1117 | 36 |
| MĐ 16 | Dinh dưỡng động vật | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 17 | Tổ chức và phối thai học | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 18 | Dịch tễ học thú y | 3 | 75 | 14 | 58 | 3 |
| MĐ 19 | Bệnh lý học thú y | 4 | 105 | 14 | 87 | 4 |
| MĐ 20 | Bệnh nội khoa thú y | 3 | 75 | 14 | 58 | 3 |
| MĐ 21 | Chuẩn đoán bệnh thú y | 3 | 75 | 14 | 58 | 3 |
| MĐ 22 | Bệnh ngoại khoa thú y | 3 | 75 | 14 | 58 | 3 |
| MĐ 23 | Bệnh truyền nhiễm thú y | 4 | 105 | 14 | 87 | 4 |
| MĐ 24 | Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng | 3 | 75 | 14 | 58 | 3 |
| MĐ 25 | Sản khoa thụ tinh nhân tạo | 3 | 75 | 14 | 58 | 3 |
| MĐ 26 | Bệnh chó mèo | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 27 | Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 28 | Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho gà, vịt | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 29 | Thực tập tốt nghiệp | 10 | 450 | | 450 | |
| Tổng cộng | | 79 | 2025 | 428 | 1527 | 70 |

(Có chương trình môn học chi tiết kèm theo)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO PHÂN BỐ THEO HỌC KỲ HỌC KỲ I

| Mã MĐ/MH | Tên môn học, mô đun | Số tín chỉ | Thời gian đào tạo(giờ) | | | |
|--------------|---------------------------|------------------|------------------------|--------------|--------------|-------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| MH 01 | Giáo dục chính trị | 4 | 75 | 41 | 29 | 5 |
| MH 02 | Pháp luật | 2 | 30 | 18 | 10 | 2 |
| MĐ 07 | Giải phẫu động vật | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 08 | Sinh lý động vật | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MH 06 | Ngoại ngữ (Tiếng Anh) | 6 | 120 | 42 | 72 | 6 |
| | Tổng | 16 | 315 | 129 | 169 | 17 |

HỌC KỲ II

| Mã MĐ/MH | Tên môn học, mô đun | Số tín chỉ | Thời gian đào tạo(giờ) | | | |
|--------------|-------------------------|------------------|------------------------|--------------|--------------|-------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| MH 05 | Tin học | 3 | 75 | 15 | 58 | 2 |
| MĐ 09 | Sinh học phân tử | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 10 | Vi sinh vật đại cương | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 11 | Vi sinh vật thú y | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 12 | Dược lý học thú y | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 13 | Miễn dịch học thú y | 2 | 30 | 18 | 9 | 3 |
| MĐ 14 | Di truyền học Động vật | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 15 | Động vật học | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| | Tổng | 17 | 375 | 117 | 241 | 17 |

HỌC KỲ III

| Mã MĐ/MH | Tên môn học, mô đun | Số tín chỉ | Thời gian đào tạo(giờ) | | | |
|-------------|--------------------------|------------------|------------------------|--------------|--------------|-------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| MĐ 16 | Dinh dưỡng động vật | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 17 | Tổ chức và phôi thai học | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 18 | Dịch tễ học thú y | 3 | 75 | 14 | 58 | 3 |
| MĐ 19 | Bệnh lý học thú y | 4 | 105 | 14 | 87 | 4 |
| MĐ 20 | Bệnh nội khoa thú y | 3 | 75 | 14 | 58 | 3 |
| MĐ 21 | Chuẩn đoán bệnh thú y | 3 | 75 | 14 | 58 | 3 |
| | Tổng | 17 | 420 | 84 | 319 | 17 |

HỌC KỲ IV

| Mã MĐ/MH | Tên môn học, mô đun | Số tín chỉ | Thời gian đào tạo(giờ) | | | |
|-------------|-------------------------------------|------------------|------------------------|--------------|--------------|-------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| MĐ 22 | Bệnh ngoại khoa thú y | 3 | 75 | 14 | 58 | 3 |
| MĐ 23 | Bệnh truyền nhiễm thú y | 4 | 105 | 14 | 87 | 4 |
| MĐ 24 | Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng | 3 | 75 | 14 | 58 | 3 |
| MĐ 25 | Sản khoa thụ tinh nhân tạo | 3 | 75 | 14 | 58 | 3 |
| MĐ 26 | Bệnh chó mèo | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| | Tổng | 15 | 375 | 70 | 290 | 15 |

HỌC KỲ V

| Mã MĐ/MH | Tên môn học, mô đun | Số tín chỉ | Thời gian đào tạo(giờ) | | | |
|-------------|---------------------------------------------|------------------|------------------------|--------------|--------------|-------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| MĐ 27 | Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 28 | Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho gà, vịt | 2 | 45 | 14 | 29 | 2 |
| MĐ 29 | Thực tập cuối khóa | 10 | 450 | 0 | 450 | 0 |
| | Tổng | 14 | 540 | 28 | 508 | 4 |

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Giảng dạy lý thuyết: Thực hiện tại các khu giảng đường sắp xếp kế hoạch dựa trên nguyên tắc đảm bảo tính logics và tính hệ thống của chương trình đào tạo. Một năm học có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Sau học kỳ chính thứ 2 là học kỳ phụ để tạo điều kiện cho người học được học lại, học bù. Học kỳ phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

- Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi người học phải đăng ký trong mỗi học kỳ là 25 tín chỉ trong đó có cả các mô-đun cốt lõi cho mỗi học kỳ.

- Giờ quy đổi được tính như sau: Một tín chỉ được quy định bằng một trong các cách sau:

- + 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn
- + 30 giờ thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận và 15 giờ tự học
- + 45 giờ thực tập tại trang trại, cơ sở thực tập, làm tiểu luận, bài tập, khóa luận tốt nghiệp

- Đối với những mô đun lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, thảo luận ngoài số tiết học trên lớp người học còn vẫn được giao thêm công việc để đảm bảo sao cho mỗi tín chỉ tương ứng với ít nhất 45 tiết/giờ làm việc.

- Giảng dạy thực hành, thí nghiệm: Thực hiện tại các phòng thực hành của nhà Trường, người học phải tham gia đầy đủ số giờ quy định cho phần thực hành, khi hoàn thành đầy đủ các bài thực hành theo quy định thì đủ điều kiện xét dự thi kết thúc Mô đun.

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, thi hết môn học, mô đun

4.1.1. Kiểm tra (trọng số 40%):

- Kiểm tra thường xuyên do người dạy giảng dạy môn học, thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, mô-đun thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác theo qui định của Trường;

- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

- Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho từng môn học, mô-đun cụ thể được thực hiện theo quy định của hiệu trưởng, bảo đảm trong một môn học có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ.

4.1.2. Thi hết môn học, mô đun (trọng số 60%):

a) Điều kiện dự thi kết thúc môn học

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

b) Tổ chức thi kết thúc môn học

- Cuối mỗi học kỳ, Hiệu trưởng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học; ngoài ra, Trường có thể tổ chức thi kết thúc môn học vào thời điểm khác cho người học đủ điều kiện dự thi;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút;

- Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học tỷ lệ thuận với số giờ của môn học đó và bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập; tất cả các môn học được bố trí người dạy hướng dẫn ôn thi, đề cương ôn thi được công bố cho người học ngay khi bắt đầu tổ chức ôn thi;

5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- a) Tích lũy đủ số mô-đun hoặc tín chỉ quy định cho chương trình;
- b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 10 đạt từ 5,00 trở lên theo thang điểm 10.
- c) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học, mô-đun thuộc ngành, nghề đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định;
- d) Hoàn thành chương trình Ngoại ngữ thứ 2 hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- e) Chuẩn đầu ra Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao (theo quy định tại thông tư 03/2014/TT-BTTTT).
- f) Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định hiện hành;
- g) Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

HIỆU TRƯỞNG